

LG xboom Buds Lite

LG Wireless **Bluetooth®** Earbuds

Specification

BUDSLITE



COV31063303



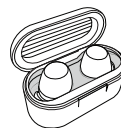
www.lg.com

Copyright © 2025 LG Electronics Inc.
All Rights Reserved.

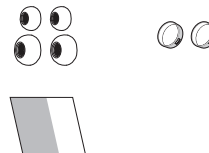


Download Manual

Tải xuống tài liệu hướng dẫn



تحميل الدليل



Download App

Tải xuống ứng dụng

تحميل التطبيق

<Android>



<iOS>



ENGLISH

Specification

Bluetooth Specifications: V 5.4 (HFP/A2DP/AVRCP)

Battery:

- Earbud: 3.85 V / 70 mAh, Lithium-ion
- Charging case: 3.85 V / 475 mAh, Lithium-ion

Music Play Time Earbuds & With Charging case:

- ANC Off: Up to 11.5 & Up to 35 hours*
- ANC On: Up to 8.5 & Up to 27 hours*

Charging Time (When charging wired at room temperature):

- Earbud: within an hour
- Charging case: within 2 hours 30 minutes*
- Fast Charging: 5 min charge for up to 60 min playtime*

* Duration of use and charging time may vary depending on the connected mobile device or charging adapter, features being used, settings, signal strength, operating temperature, frequency band, and other methods of use.

Rated Input Voltage (⎓: Refers to direct current, DC)

- Earbud: 5 V ⎓, 140 mA
- Charging case: 5 V ⎓, 750 mA

Operating Temperature: 0 °C ~ +40 °C

Operating Humidity: 5 % ~ 60 %

Water Protection Rating: IPX4

- LG xboom Buds Lite IPX4 rated to handle splashes of water from any direction. Charging case is not IPX4 splash proof.
- Do not put the product under the water or use it in a humid location such as a bathroom.

Dimensions (W X L X H):

- Earbud: 25.3 mm X 20.8 mm X 23.9 mm
- Charging case: 63.0 mm X 32.8 mm X 31.2 mm

Frequency range: 2402 MHz to 2480 MHz

The power delivered by the charger must be between min [2] Watts required by the radio equipment, and max [4] Watts in order to achieve the maximum charging speed.

Actual product design may differ from images shown in manual. Design and specifications are subject to change without notice.

Tiếng Việt

Thông số kỹ thuật

Thông số kỹ thuật Bluetooth: V 5.4 (HFP/A2DP/AVRCP)

Pin:

- Tai nghe: 3.85 V / 70 mAh, Lithium-ion
- Hộp sạc: 3.85 V / 475 mAh, Lithium-ion

Thời gian phát nhạc Tai nghe và Hộp sạc:

- ANC Tắt: Lên đến 11,5 và Lên đến 35 giờ*
- ANC Bật: Lên đến 8,5 và Lên đến 27 giờ*

Thời gian sạc (Khi sạc có dây ở nhiệt độ phòng):

- Tai nghe: trong một giờ
- Hộp sạc: trong 2 giờ 30 phút*
- Sạc nhanh: Sạc 5 phút cho thời gian phát lên đến 60 phút*

* Thời gian sử dụng và thời gian sạc có thể thay đổi tùy thuộc vào thiết bị di động kết nối hoặc bộ đổi nguồn sạc pin, các tính năng đang được sử dụng, cài đặt, cường độ tín hiệu, nhiệt độ hoạt động, dải tần số và các phương pháp sử dụng khác.

Điện áp đầu vào định mức (===): Đều cấp đến dòng điện một chiều, DC)

- Tai nghe: 5 V ===, 140 mA
- Hộp sạc: 5 V ===, 750 mA

Nhiệt độ hoạt động: 0 °C ~ +40 °C

Độ ẩm hoạt động: 5 % ~ 60 %

Chống nước: IPX4 (chịu được nước trong cuộc sống hàng ngày)

- Xếp hạng chịu nước IPX4 chỉ áp dụng cho sản phẩm tai nghe.

- Không cho sản phẩm vào nước hoặc sử dụng sản phẩm ở nơi ẩm ướt như phòng tắm.

Kích thước (Rộng X Dài X Cao):

- Tai nghe: 25,3 mm X 20,8 mm X 23,9 mm
- Hộp sạc: 63,0 mm X 32,8 mm X 31,2 mm

Dải tần số: 2402 MHz đến 2480 MHz

Thiết kế sản phẩm thực tế có thể khác với hình ảnh trình bày trong hướng dẫn. Thiết kế và thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo.

الأبعاد (عرض X طول X ارتفاع):

- سماعة الأذن: ٢٥,٣ مم X ٢٠,٨ مم X ٢٣,٩ مم
- حاوية الشحن: ٦٣,٠ مم X ٣٢,٨ مم X ٣١,٢ مم

نطاق التردد: من ٢٤٠٢ ميغاهرتز إلى ٢٤٨٠ ميغاهرتز

يجب أن تتراوح الطاقة التي يوفرها الشاحن بين الحد الأدنى [٢] واط الذي تتطلبه أجهزة الراديو والحد الأقصى [٤] واط من أجل تحقيق أقصى سرعة للشحن.

قد يختلف التصميم الفعلي للمنتج عن الصور المعروضة في الدليل. يخضع التصميم والمواصفات للتغيير دون إشعار مسبق.

العربية

المواصفة

مواصفات Bluetooth: V 5.4 (AVRCP/A2DP/HFP)

البطارية:

- سماعة الأذن: ٣,٨٥ فولت / ٧٠ مللي أمبير في الساعة، ليثيوم أيون
- حاوية الشحن: ٣,٨٥ فولت / ٤٧٥ مللي أمبير في الساعة، ليثيوم أيون

مدة تشغيل الموسيقى سماعات الأذن ومع حاوية الشحن:

- ANC (إلغاء الضوضاء النشطة) لا يعمل: حتى ١١,٥ ساعات وحتى ٣٥ ساعة*
- ANC قيد التشغيل: حتى ٨,٥ ساعات وحتى ٢٧ ساعة*

مدة الشحن (عند الشحن باستخدام السلك في درجة حرارة الغرفة):

- سماعة الأذن: في غضون ساعة
- حاوية الشحن: في غضون ساعتين و ٣٠ دقيقة*
- الشحن السريع : شحن لمدة ٥ دقائق لوقت تشغيل يصل إلى ٦٠ دقيقة*

* قد تختلف مدة الاستخدام ومدة الشحن وفقًا للجهاز المحمول المتصل أو محوّل الشحن، والميزات المستخدمة، والإعدادات، وقوة الإشارة، ودرجة حرارة التشغيل، ونطاق التردد، وغيرها من طرق الاستخدام.

جهد الإدخال المُقتر (===): يشير إلى التيار المستمر، (DC)

- سماعة الأذن: ٥ فولت === ١٤٠٠ مللي أمبير
- حاوية الشحن: ٥ فولت === ٧٥٠٠ مللي أمبير

درجة حرارة التشغيل: ٠ ~ +٤٠ درجة مئوية

درجة رطوبة التشغيل: ٥ ~ ٦٠ %

مضاد للماء: IPX4 (مقاوم للماء ضمن الحياة اليومية)

- ينطبق تصنيف مقاوم للماء المستوى IPX4 على منتج سماعة الأذن فقط.
- لا تضع المنتج تحت الماء أو تستخدمه في مكان رطب مثل الحمام.

